

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Danh Lươl
2. Bà Lê Thị Mỹ Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 03, xã XP, huyện LM, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn anh Lê Văn C, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 03, xã XP, huyện LM, tỉnh Hậu Giang .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 13/06/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thanh P bày:

Chị P và anh C có tổ chức lễ cưới vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C thường xuyên nhậu về chửi mắng vợ con, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Huỳnh N, sinh năm: 1991 và Lê Đức A, sinh năm: 1998 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Có 7.030 m² đất ruộng hiện ông C đang đứng tên và đang canh tác quản lý sử dụng.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị P thống nhất chịu toàn bộ.

Bị đơn anh Lê Văn C trình bày: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay.

Nay chị P yêu cầu ly hôn anh C đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh C thống nhất để chị P chịu toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh P và anh Lê Văn C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh P và anh Lê Văn C qua tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1990. Quá trình chung sống với nhau chị P và anh C có đầy đủ các điều kiện về kết hôn theo quy định nhưng chị P và anh C không đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị P xin

được ly hôn với anh C nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị P và anh C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị P và anh C thừa nhận Có 02 con chung là Lê Huỳnh N, sinh năm: 1991 và Lê Đức A, sinh năm: 1998 hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thanh P và anh Lê Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006494 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Mỹ. Chị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- THA huyện Long Mỹ;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phát Lộc